TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH V**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2018/HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 10 năm 2018
V/v: "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Minh Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Trung Thành

2. Ông Trần Anh Tuấn

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thanh - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 218/2018/QĐXX-ST ngày 03 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1992, có mặt.

Nơi cư trú: Thôn V, xã L, huyện L, tỉnh V.

Bị đơn: Anh Đỗ Đình Á, sinh năm 1988, vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn V, xã L, huyện L, tỉnh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 24 tháng 8 năm 2018 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị kết hôn với anh Đỗ Đình Á ngày 04 tháng 5 năm 2012, trước khi kết hôn vợ chồng có được tự do tìm hiểu, hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh V. Kết hôn xong, chị về chung sống cùng gia đình anh Ánh tại thôn V, xã. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng bốn năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do

anh Á nghiện ma túy và hay chơi lô đề dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau. Anh Á đã từng phải đi cải tạo, sau khi về nhà vào tháng 5 năm 2018, anh hay nghi ngờ chị có quan hệ với người khác và luôn có những lời nói xúc phạm chị. Đến tháng 7 năm 2018 anh Á đã đuổi chị ra khỏi nhà, chị phải về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 7 năm 2018 đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn anh Á.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung: cháu Đỗ Đình D, sinh ngày 19/8/2013, hiện cháu đang ở cùng anh Á và Đỗ Minh V, sinh ngày 23/6/2016, hiện cháu đang ở cùng chị. Trong quá trình giải quyết chị xin nuôi dưỡng cháu V, còn cháu D để anh Á nuôi dưỡng. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị xin nuôi cả hai cháu và không yêu cầu anh Á cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đối với anh Đỗ Đình Á là bị đơn, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng anh Á đều cố tình lẩn tránh, vắng mặt không có lý do. Qua xác minh tại UBND xã L và gia đình anh Á là bà Bùi Thị H (bà H là mẹ đẻ của anh Á) cho biết: Hiện anh Á vẫn đang ở nhà tại thôn V xã L, ban ngày anh Á đi làm, tối thì về nhà. Các lần Toà án báo gọi anh, bà H có nhận được giấy và bà có thông báo cho anh Á, anh Á có biết việc chị H xin ly hôn nhưng anh Á không lên Tòa làm việc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L phát biểu về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị H, cho chị H được ly hôn anh Á. Về con chung giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung để đảm bảo quyền lợi của các cháu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét nhận định:

1. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có yêu cầu xin ly hôn bị đơn anh Đỗ Đình Á hiện đang cư trú tại thôn V, xã L, huyện L, tỉnh V. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh V.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị H đều có mặt, anh Á đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xử vắng mặt bị đơn.

2. Về nội dung vụ án: Cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Đình Á là cuộc hôn nhân hợp pháp xây dựng trên cơ sở tự nguyện, anh chị được gia đình tổ chức kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L. Quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra những mâu thuẫn bất đồng. Theo chị H, bản thân anh Á là người nghiện ma túy và đã đi cải tạo, khi về nhà vẫn không chịu làm ăn, thường ghen tuông vô cớ, vợ chồng không tin tưởng nghi ngờ nhau. Xét đề nghị của chị H Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh Á đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn tin tưởng nhau. Anh Á cố tình vắng mặt không đến Tòa án để giải quyết việc chị H có đơn xin ly hôn anh, như vậy phần nào thể hiện anh Á không có nguyện vọng và biện pháp hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Do vậy đề nghị xin ly hôn của chị H là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Về con chung: Vợ chồng chị H, anh Á có 02 con chung là cháu Đỗ Đình D, sinh ngày 19/8/2013 và Đỗ Minh V, sinh ngày 23/6/2016. Hiện nay, cháu D đang ở cùng anh Á, còn cháu V đang ở cùng chị H. Ly hôn chị H xin được cả hai cháu. Xét yêu cầu, đề nghị của chị H Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguyện vọng của chị H xin được nuôi cả hai con là chính đáng, bởi hai cháu Đỗ Đình D và Đỗ Minh V còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc của người mẹ, còn anh Á đã được Tòa án triệu tập nhiều lần, nhưng không đến Tòa làm việc, không thể hiện quan điểm về con chung. Để đảm bảo quyền lợi cho các cháu, cần giao hai con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị H tự nguyện không yêu cầu, đề nghị anh Á cấp dưỡng nuôi con được chấp nhận.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: chị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Đỗ Đình Á vắng mặt nên không có lời khai và đề nghị của anh. Khi nào anh có yêu cầu về con chung, tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, thì giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

3. Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Đỗ Đình Á.

Về con chung: Giao cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng hai con chung: cháu Đỗ Minh V, sinh ngày 23/6/2016 và cháu Đỗ Đình D, sinh ngày 19/8/2013. Anh Á không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H. Anh Á không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H. Sau khi ly hôn, anh Á có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sư thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số:AA/2016/ 0001600 ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L. Chị H đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trong trường hợp quyết định này được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án chị H có mặt có quyền kháng cáo bản án lên Toà án nhân dân cấp trên để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Anh Á vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao nhận bản án hoặc niêm yết tại UBND nơi cư trú của người vắng mặt.

Nơi nhận:
- VKSND huyện L
- THADS huyện L
- UBND xã L
- Các đương sự
- Lưu HS, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đã ký và đóng dấu

Ngô Thị Minh Hiệp